

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TDC24B**

Năm học: **24-25**

Mã MH/MĐ: **MH02001**

Học kỳ: **01**

Tên MH/MĐ: **An toàn điện**

Số TC: **2**

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1			Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2458102060859	Nguyễn Thành	An	15/08/2009			8	7.0				5.0		5.9
2	2458102060860	Nguyễn Duy	Anh	26/08/2009			8	8.0				6.0		6.8
3	2458102060861	Lê Hoàng	Bảo	03/12/2009			8	7.0				6.0		6.5
4	2458102060862	Nguyễn Văn	Bền	19/09/2009			10	6.0				6.0		6.5
5	2458102060863	Nguyễn Khoa	Cương	18/11/2009			10	7.0				6.0		6.8
6	2458102060864	Huỳnh Bảo	Duy	09/10/2009			9	10.0				6.0		7.5
7	2458102060865	Nguyễn Khánh	Duy	17/02/2009			8	8.0				6.0		6.8
8	2458102060866	Diêu Tiến	Đạt	10/06/2009			9	8.0				5.0		6.3
9	2458102060867	Huỳnh Hải	Đăng	01/05/2009			9	6.0				5.0		5.8
10	2458102060868	Ngô Trung	Hiếu	16/08/2009			10	9.0				5.0		6.7
11	2458102060869	Phan Trung	Hiếu	01/09/2009			10	8.0				5.0		6.5
12	2458102060870	Nguyễn Hữu	Học	10/07/2009			8	8.0				5.0		6.2
13	2458102060871	Lê Long	Hồ	08/02/2009			9	8.0				0.0	0.0	3.3
14	2458102060872	Cao Văn	Huyền	01/09/2008			7	8.0				6.5		7.0
15	2458102060873	Lâm Quang	Khải	03/09/2008			8	8.0				0.0	0.0	3.2
16	2458102060874	Phan Hoàng	Khải	03/10/2009			8	9.0				7.0		7.7
17	2458102060875	Cù Duy	Khang	16/10/2009			7	9.0				5.0		6.3
18	2458102060876	Nguyễn Hoàng	Khang	18/07/2009			7	9.0				9.5		9.0
19	2458102060877	Nguyễn Duy	Khanh	02/11/2009			8	8.0				9.5		8.9
20	2458102060878	Lê Tuấn	Kiệt	28/08/2009			10	9.0				5.0		6.7
21	2458102060879	Nguyễn Thế	Năng	04/07/2009			8	7.0				5.0		5.9
22	2458102060880	Nguyễn Phú	Nguyễn	18/12/2008			9	7.0				5.0		6.1
23	2458102060881	Phạm Minh	Phát	13/10/2009			10	7.0				5.0		6.2
24	2458102060882	Phan Bảo Tấn	Phát	11/05/2009			8	8.0				6.5		7.1
25	2458102060883	Nguyễn Bình	Phước	17/05/2009			10	8.0				5.0		6.5
26	2458102060884	Huỳnh Trương	Quốc	25/09/2009			7	7.0				0.0	0.0	2.8
27	2458102060885	Trần Quốc	Thái	10/06/2009			7	7.0				0.0	0.0	2.8
28	2458102060886	Nguyễn Chí	Thiện	24/10/2009			9	7.0				0.0	0.0	3.1
29	2458102060887	Võ Chí	Thiện	26/03/2009			10	7.0				6.0		6.8
30	2458102060888	Mã Quốc	Thịnh	06/11/2009			10	9.0				6.0		7.3
31	2458102060889	Nguyễn Việt	Thuận	04/08/2009			8	8.0				8.0		8.0
32	2458102060890	Trần Quốc	Thuận	30/04/2009			10	9.0				6.0		7.3
33	2458102060891	Trương Trung	Tính	03/04/2009			9	10.0				6.0		7.5
34	2458102060892	Nguyễn Phúc	Toàn	06/05/2008			10	8.0				6.0		7.1
35	2458102060893	Lư Đại	Vĩ	04/10/2009			8	9.0				0.0	0.0	3.5
36	2458102060894	Võ Thị Thúy	Vỹ	13/03/2007			9	9.0				7.0		7.8

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
37	2458102060895	Đặng Gia Vỹ	05/11/2007				0	0.0				0.0	0.0	0.0

Châu Đốc, ngày 19 tháng 3 năm 2025

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Trần Huy Đông